CTCP Sông Đà 10 (UPCOM: SDT)

Ngày 31/12/2025	4,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-14.6%	-18.0%	-19.6%

ROE 2025: 7.6% | +/- YoY ▲ 7.7%

DT thuần *Q4/25*: 231 tỷ VNĐ | QoQ ▲ 21.0 ▲ 9.9% | YoY ▼ 111 ▼ 32.5%

DT thuần *2025*: 773 tỷ VNĐ | YoY ▼ 249 ▼ 24.4%

LN gộp *Q4/25*: -4.82 tỷ VNĐ | QoQ ▼ 36.9 ▼ 115% | YoY ▼ 61.4 ▼ 109%

LN gộp *2025*: 75.3 tỷ VNĐ | YoY ▼ 60.7 ▼ 44.6%

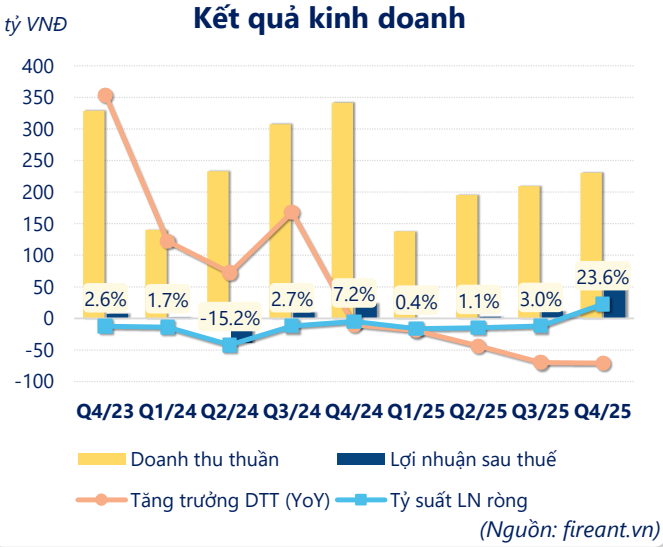
LN thuần *Q4/25*: 68.7 tỷ VNĐ | QoQ ▲ 62.1 ▲ 933% | YoY ▲ 40.6 ▲ 145%

LN thuần *2025*: 77.3 tỷ VNĐ | YoY ▲ 78.0 ▲ 11580%

LN sau thuế *Q4/25*: 49.0 tỷ VNĐ | QoQ ▲ 37.8 ▲ 337% | YoY ▲ 25.2 ▲ 106%

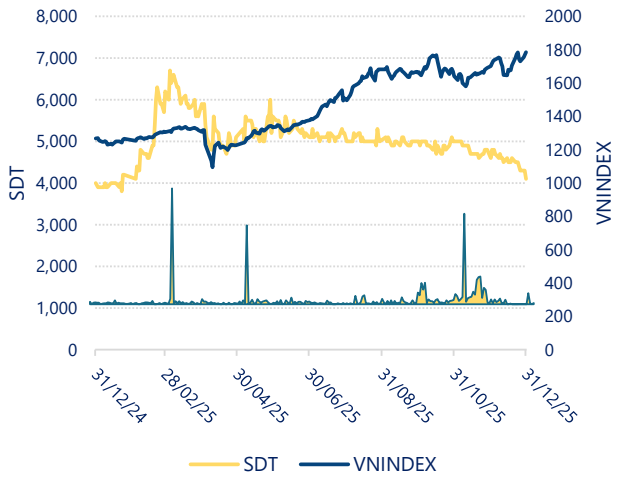
LN sau thuế *2025*: 62.3 tỷ VNĐ | YoY ▲ 66.5 ▲ 1575%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

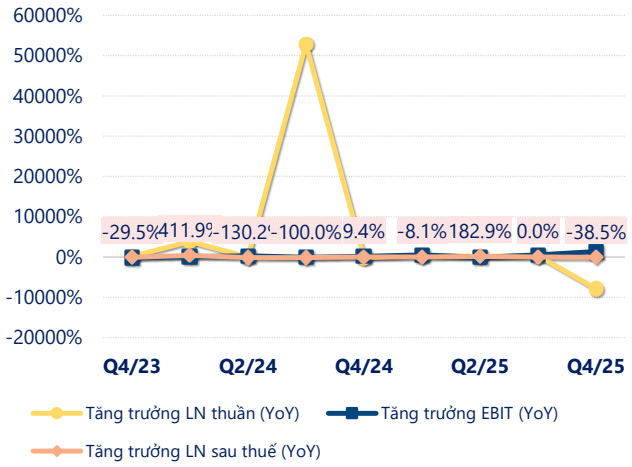


Powered by Infographic
https://fireant.vn/

CTCP Sông Đà 10 (UPCOM: SDT)

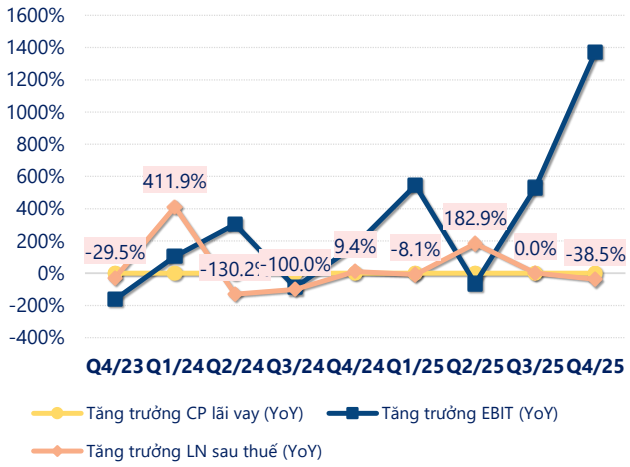
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



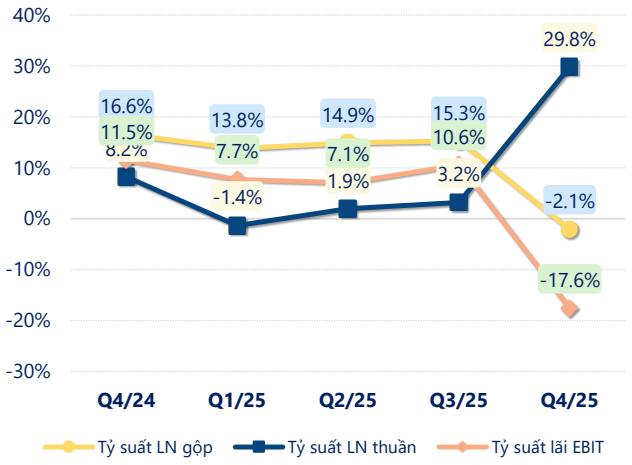
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



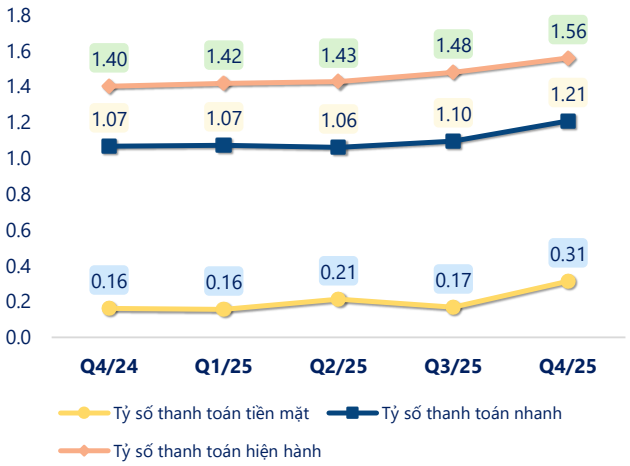
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



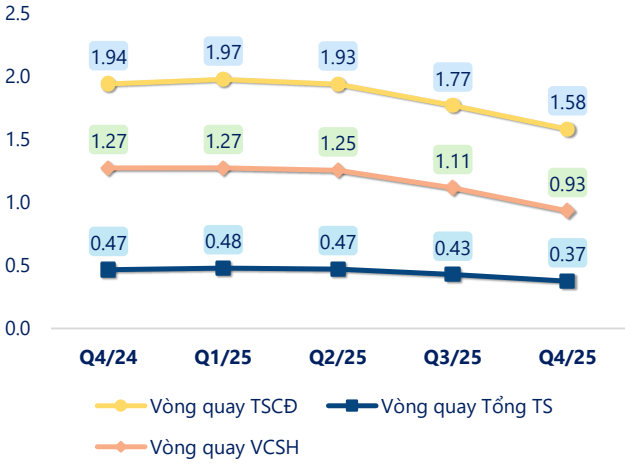
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



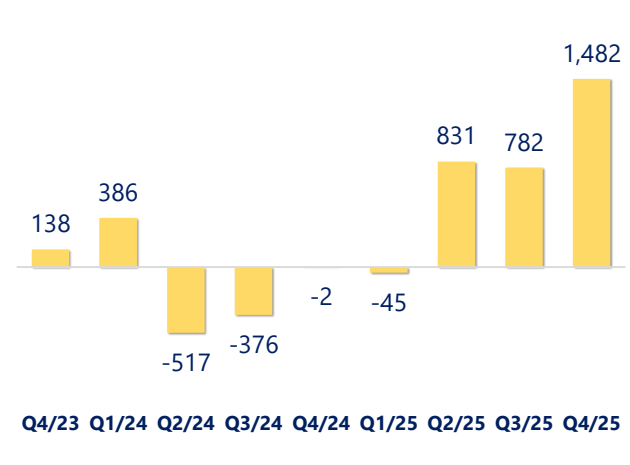
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

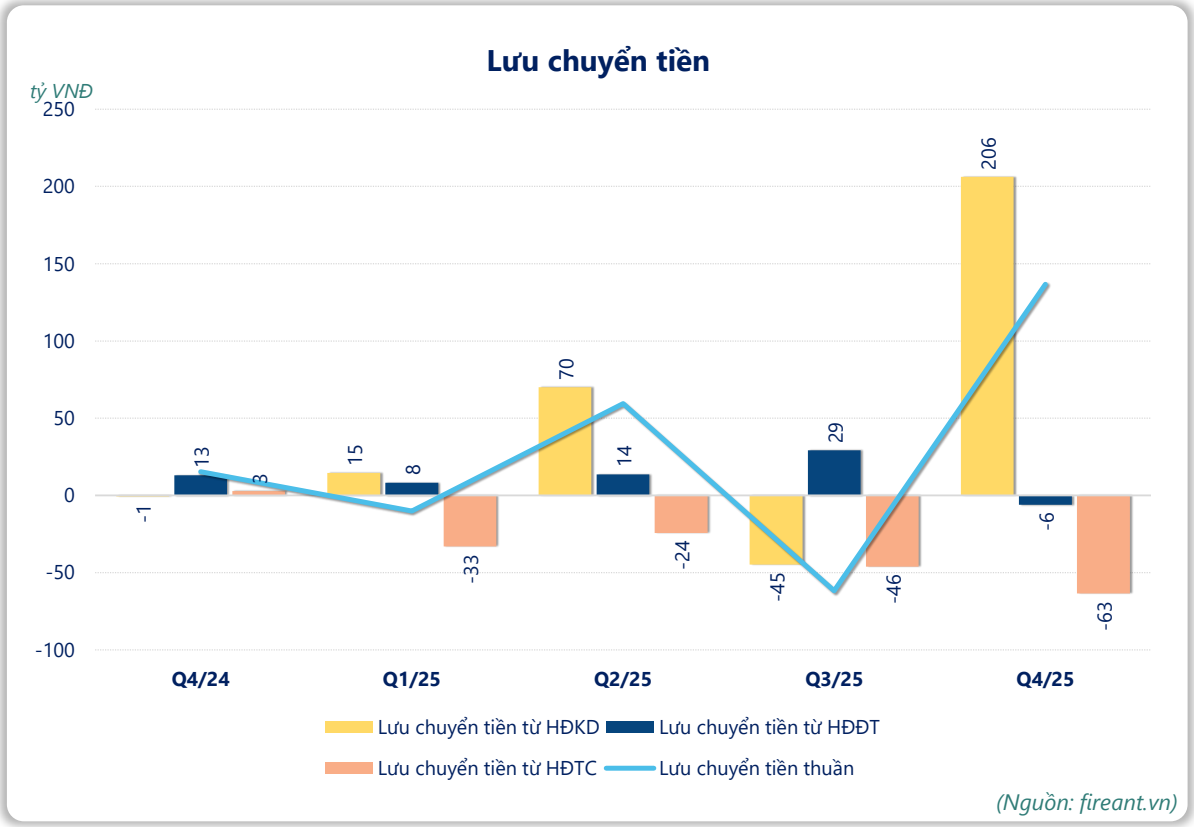


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Sông Đà 10 (UPCOM: SDT)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**231**	**342**	**-32.5%**	**773**	**1,022**	**-24.4%**
Giá vốn hàng bán	236	285	-17.4%	698	886	-21.3%
Lợi nhuận gộp	-4.82	56.6	-109%	75.3	136	-44.6%
Doanh thu HĐTC	0.49	0.20	144%	1.66	3.94	-58.0%
Chi phí TC	-91.4	12.2	-849%	-61.5	50.6	-221%
Chi phí lãi vay	-91.9	11.8	-879%	-62.0	48.7	-227%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**18.3**	**16.5**	**11.1%**	**61.1**	**89.9**	**-32.0%**
LN thuần từ HĐKD	68.7	28.1	145%	77.3	-0.67	11580%
Lợi nhuận khác	**-17.5**	**-0.73**	**-2302%**	**-9.48**	**0.00**	**-236981%**
LN trước thuế	51.2	27.4	86.8%	67.8	-0.68	10112%
Lợi nhuận sau thuế	**49.0**	**23.8**	**106%**	**62.3**	**-4.23**	**1575%**
LNST của CĐ cty mẹ	**54.5**	**24.6**	**121%**	**63.3**	**-0.16**	**38537%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)